

Bản án số: 114/2025/DS-PT
Ngày 03 - 6- 2025
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
dịch vụ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thương

Các Thẩm phán: Ông Đào Trọng Hải

Ông Trịnh Hoàng Anh

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Công Trứ – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hương - Kiểm sát viên

Trong các ngày 27 tháng 5 và 03 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 70/2025/TLPT-DS ngày 26 tháng 3 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2025/DSST ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 126/2025/QĐ-PT ngày 09 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 129/2025/QĐ- PT ngày 23 tháng 5 năm 2025; Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 88/QĐ-TA ngày 26 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Y, sinh năm 1971 (có mặt);

Địa chỉ: B đường A, thôn G, xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đỗ Văn H, sinh năm 1975 (vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn T, xã K, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Bị đơn: Ông Vũ Minh T, sinh năm 1966 (vắng mặt) và bà Phan Thị D, sinh năm 1965 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Đường B, thôn V, xã N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Thái H1, sinh năm 1982 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: C đường B tháng D, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

-Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Trần Y

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Trần Y trình bày:

Ngày 18/3/2005 vợ chồng ông Vũ Minh T bà Phan Thị D có nhờ ông Trần Y hướng dẫn hồ sơ phỏng vấn đi Mỹ theo diện con lai. Giữa ông Y và ông T bà D có ký “giấy làm hợp đồng hồ sơ” với thỏa thuận ông Y giúp ông T bà D hồ sơ hoàn tất phỏng vấn đậu thì ông T bà D đưa ông Y 20.000 USD, còn lại 10.000 USD ông T bà D phải giao đủ cho ông Y trước khi lên máy bay. Tổng cộng phí dịch vụ là 30.000 USD.

Ông Y đã bỏ tiền ra lo chi phí đưa đón gia đình bà D ông T đi làm hộ chiếu, sơ vấn, phỏng vấn. Năm 2017 gia đình bà D ông T được chính phủ Mỹ cho xuất cảnh đi định cư. Bà D ông T đi Mỹ mà không trả chi phí cho ông Y.

Nay ông Y yêu cầu bà D ông T trả cho ông Y 30.000 USD, tương đương 660.000.000 đồng.

[2] Bị đơn bà Phan Thị D, ông Vũ Minh T do ông Nguyễn Thái H1 làm đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 18/3/2005 vợ chồng ông Vũ Minh T bà Phan Thị D có nhờ ông Trần Y hướng dẫn hồ sơ phỏng vấn đi Mỹ theo diện con lai. Giữa ông Y và ông T bà D có ký “giấy làm hợp đồng hồ sơ” với thỏa thuận ông Y giúp ông T bà D hồ sơ hoàn tất phỏng vấn đậu thì ông T bà D đưa ông Y 20.000USD, còn lại 10.000 USD ông T bà D phải giao đủ cho ông Y trước khi lên máy bay. Tổng cộng phí dịch vụ là 30.000 USD.

Năm 2006 gia đình bà D ông T được phỏng vấn nhưng không đậu.

Năm 2007, năm 2008 bà D và ông T tự làm thủ tục nhưng phỏng vấn cũng đều không đậu.

Sau này thông qua hội tình lai không biên giới bà D tìm được cha. Đến năm 2011 bà D và ông T mới đậu phỏng vấn. Năm 2017, bà D ông T được đi Mỹ.

Như vậy ông Y không làm giúp được cho bà D ông T như thỏa thuận. Bà D ông T đi Mỹ là theo hồ sơ khác, do đó bà D ông T không đồng ý trả tiền như ông Y yêu cầu. Trước đây bà D trình bày về yêu cầu ông Y bồi thường cho bà D ông T 28.000.000 đồng do ông Y yêu cầu cấm bà D ông T xuất cảnh gây ra thiệt hại cho bà D ông T. Ông T bà D chưa làm đơn yêu cầu nộp cho Tòa án. Nay ông T bà D không yêu cầu này nữa.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 04/2025/DS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đã tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Y về việc yêu cầu bà Phan Thị D, ông Vũ Minh T trả cho ông Y số tiền nợ từ việc ông Y cho rằng đã bỏ ra làm dịch vụ cho bà D, ông T là 30.000 (ba mươi ngàn) USD tương đương 660.000.000 (sáu trăm sáu mươi triệu) đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 15-01-2025, ông Trần Y nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Trần Yên G nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

-Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn nộp trong thời hạn luật định. Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Y, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Đơn kháng cáo của ông Trần Y nộp trong thời hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] *Xét yêu cầu kháng cáo của ông Trần Y:*

[2.1] Quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, ông Y và ông T bà D đều xác nhận giữa các ông bà có thỏa thuận việc ông Y giúp ông T bà D hồ sơ, hoàn tất phỏng vấn đầu để được xuất cảnh thì ông T bà D đưa cho ông Y 20.000 USD. Trước khi lên máy bay, ông T bà D phải giao đủ số tiền 10.000 USD còn lại. Tổng cộng là 30.000 USD, theo “giấy làm hợp đồng hồ sơ” ngày 18-3-2005.

[2.2] Tại phiên tòa phúc thẩm ông Y trình bày để thực hiện thỏa thuận trên, ông Y đã soạn đơn trình bày ý kiến của bà D về diện con lai gửi cơ quan có thẩm quyền, hướng dẫn hồ sơ, ứng tiền ra thuê xe đưa đón, thuê khách sạn cho gia đình ông T bà D đi làm hộ chiếu, phỏng vấn vào năm 2005- 2006. Quá trình ông T bà D đi phỏng vấn thì ông Y không được tham gia cùng vì cơ quan có thẩm quyền chỉ thông báo và cho đối tượng được phỏng vấn vào làm việc, tuy nhiên ông được biết sau khi phỏng vấn vào năm 2006 thì cơ quan thẩm quyền thông báo không bằng văn bản cho bà D ông T biết cứ trở về, sẽ có người đi đến địa phương để xác minh.

Năm 2008- 2009, có người của cơ quan thẩm quyền đến địa phương xác minh ông T bà D có phải là vợ chồng hay không, cho đến năm 2016 thì ông T bà D được mời đến thông báo là phỏng vấn đầu, được xuất cảnh. Ông T bà D xuất cảnh không thông báo cho ông Y biết và chưa trả cho ông Y bất cứ khoản tiền nào.

[2.3.] Về phía ông T bà D thì cho rằng ông bà có nhờ ông Y hướng dẫn hồ sơ phỏng vấn đi Mỹ theo diện con lai. Việc làm hộ chiếu và thủ tục để được phỏng vấn là do ông T bà D tự thực hiện. Ông Y có dẫn ông T bà D đi phỏng vấn vào năm 2006 và lần phỏng vấn này không đậu, ngoài ra không thực hiện thủ tục, công việc nào khác.

Năm 2007-2008 gia đình bà D ông T làm lại thủ tục để được phỏng vấn nhưng vẫn không đậu. Năm 2011, ông T bà D mới đậu phỏng vấn do được hội tình lai không biên giới giúp bà D tìm được ba và ông bà xuất cảnh vào năm 2017. Do vậy ông T bà D chưa giao và cũng không có nghĩa vụ giao cho ông Y bất cứ khoản tiền nào.

[2.4] Ông Y, ông T bà D là những cá nhân không được phép hoạt động ngoại hối theo quy định tại Nghị định 63/1998/NĐ-CP ngày 17/8/1998 của Chính phủ quy định về quản lý ngoại hối, nên thỏa thuận giữa ông Y, ông T và bà D về việc thanh toán hợp đồng dịch vụ bằng đồng USD là vi phạm điều cấm của pháp luật, nên vô hiệu.

[2.5] Theo thỏa thuận của các bên tại “giấy làm hợp đồng hồ sơ”, để đạt được số tiền dịch vụ 30.000 USD thì ông Y phải giúp hồ sơ hoàn tất, phỏng vấn đậu. Theo lời khai của ông Y thì ông đã soạn đơn trình bày ý kiến của bà D về diện con lai gửi cơ quan có thẩm quyền, hướng dẫn hồ sơ, ứng tiền ra thuê xe đưa đón, thuê khách sạn cho gia đình ông T bà D đi làm hộ chiếu, phỏng vấn vào năm 2005-2006 và kết quả phỏng vấn đậu, tuy nhiên lời trình bày này của ông Y không được ông T bà D thừa nhận và ông Y cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh.

Trong khi đó lời trình bày của phía ông T bà D phù hợp với chứng cứ ông bà cung cấp là hai bản hộ chiếu của ông T bà D được cấp ngày 27-7-2007, có giá trị đến 27-7-2012; Thư mời phỏng vấn ngày 14-5-2008 và Thông báo của Viên chức lãnh sự ngày 14-5-2007 thể hiện việc ông T bà D tiếp tục làm thủ tục để được phỏng vấn lại và vẫn không thành công, cho đến năm 2017 ông bà mới được xuất cảnh sang Mỹ.

[2.6] Như vậy ông Y không thực hiện được công việc như đã thỏa thuận với ông T bà D, nên ông Y yêu cầu bà D ông T trả cho ông Y 30.000 USD tương đương 660.000.000 đồng là không có cơ sở để chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Y là có căn cứ. Từ phân tích, nhận định trên, cần không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Y, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] *Về án phí:*

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Y phải chịu án phí có giá ngạch cho yêu cầu khởi kiện không được Tòa án chấp nhận.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của ông Y không được Tòa án chấp nhận nên ông Y phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Y; giữ nguyên bản án sơ thẩm số 04/2025/DS-ST ngày 10-01-2025 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, như sau:

Căn cứ vào Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228, Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 130; 521; 522; 525 Bộ luật Dân sự năm 1995; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2026/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Y đối với ông Vũ Minh T và bà Phan Thị D về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Y phải nộp 30.400.000 (ba mươi triệu bốn trăm nghìn) đồng. Khấu trừ vào số tiền 15.200.000 (mười lăm triệu hai trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí mà ông Y đã nộp theo biên lai số 0004982 ngày 19 tháng 10 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, nên ông Y còn phải nộp tiếp 15.200.000 (mười lăm triệu hai trăm nghìn) đồng.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Trần Y phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Y đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001856 ngày 05 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên ông Y đã nộp xong án phí phúc thẩm.

4. Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 03-6-2025).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND H. Châu Đức;
- Chi cục THADS H. Châu Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thương

